

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2026/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 06 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định cơ chế hỗ trợ chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội không bằng vốn đầu tư công, nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân không bằng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản;

Căn cứ Nghị định 136/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 261/2025/NĐ-CP và Nghị định số 54/2026/NĐ-CP);

Xét Tờ trình số 316/TTr-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế hỗ trợ Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội không bằng vốn đầu tư công, nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân không bằng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 206/BC-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Công văn số 12020/UBND-CNXD ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp thu ý kiến thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế hỗ trợ chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội không bằng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định cơ chế hỗ trợ chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội không bằng vốn đầu tư công, nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân không bằng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cơ chế hỗ trợ chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, gồm:

a) Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội không bằng vốn đầu tư công theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 85 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15.

b) Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật số 27/2023/QH15.

c) Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân không bằng vốn đầu tư công theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật số 27/2023/QH15.

2. Đối tượng áp dụng

a) Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội không bằng vốn đầu tư công, nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân không bằng vốn đầu tư công.

b) Các cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp.

Điều 2. Nguyên tắc, phương thức hỗ trợ

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Đối với chi phí hỗ trợ xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật được xem xét hỗ trợ sau khi đã thực hiện đầu tư xây dựng, nghiệm thu hoàn thành, kiểm toán, quyết toán và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận giá trị thực hiện.

b) Không được tính các khoản hỗ trợ của Nhà nước vào giá bán, giá thuê mua, giá thuê nhà ở xã hội.

c) Không hỗ trợ đối với phần chi phí đã được ngân sách nhà nước hoặc nguồn vốn hợp pháp khác đã hỗ trợ.

2. Phương thức hỗ trợ

a) Căn cứ vào kết quả kiểm tra về sự phù hợp đối với việc xác định giá trị thực hiện của chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bố trí kinh phí hỗ trợ chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định.

b) Thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Cơ chế hỗ trợ

Cơ chế hỗ trợ tương đương 50% kinh phí đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi dự án xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp, bao gồm: Hệ thống giao thông, hệ thống cung cấp năng lượng, hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, hệ thống quản lý chất thải rắn, hệ thống vệ sinh công cộng (không bao gồm: Chi phí đầu tư xây dựng hệ thống kỹ thuật bên trong tòa nhà; chi phí đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật thuộc diện tích đầu tư xây dựng để kinh doanh hoặc phải bàn giao cho Nhà nước quản lý), nhưng hỗ trợ không quá 05 tỷ đồng/dự án (Năm tỷ đồng).

Điều 4. Nguồn kinh phí hỗ trợ

Từ nguồn vốn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này bảo đảm theo quy định pháp luật; báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 17 tháng 8 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Hai thông qua ngày 06 tháng 8 năm 2026.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An